BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 304 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29215053420	Lê Phước	An	AUD 351 B	K29KKT					
2	28204937818	Nguyễn Hiền Lan	Anh	AUD 351 B	K28KDN					
3	28204951038	Lê Hà Kiều	Anh	AUD 351 B	K28HP-KQT					
4	28211145153	Thái Hoàng	Bảo	AUD 351 B	K28HP-KQT					
5	28204950713	Nguyễn Phan Thanh	Châu	AUD 351 B	K28HP-KQT					
6	29204959606	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	AUD 351 B	K29KDN					
7	28204953721	Trần Thị Anh	Đào	AUD 351 B	K28KDN					
8	28204953013	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	AUD 351 B	K28HP-KQT					
9	29204964803	Nguyễn Thị Thu	Hiền	AUD 351 B	K29KKT					
10	29204838507	Vũ Hồ Ngọc	Hiệp	AUD 351 B	K29KKT					
11	28204853935	Phan Thị Tâm	Hiếu	AUD 351 B	K28KDN					
12	28204935086	Huỳnh Đồng Thu	Hòa	AUD 351 B	K28KDN					
13	28214943276	Bùi Đức	Hoàng	AUD 351 B	K28HP-KQT					
14	28204953963	Ngô Diệu	Hương	AUD 351 B	K28KDN					
15	29205154344	Hồ Thị Khánh	Huyền	AUD 351 B	K29KDN					
16	29209525931	Nguyễn Tấn Như	Huyền	AUD 351 B	K29KKT					
17	28204906994	Trần Thị Thu	Lài	AUD 351 B	K28KDN					
18	28204904606	Đặng Thị Mỹ	Lệ	AUD 351 B	K28KDN					
19	28204344456	Lê Thị Khánh	Linh	AUD 351 B	K28KDN					
20	29204950388	Nguyễn Thị Thùy	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
21	29209535871	Lê Thị Mỹ	Linh	AUD 351 B	K29KDN					
22	28214953812	Nguyễn Đức	Lượng	AUD 351 B	K28HP-KQT					
23	29204957291	Trần Thị Ái	Ly	AUD 351 B	K29KDN					
24	28204949857	Trần Thị Kiều	Nga	AUD 351 B	K28KDN					
25	28206549097	Trịnh Thị Thúy	Nga	AUD 351 B	K28HP-KQT					
26	27202602135	Phan Thị Mỹ	Ngân	AUD 351 B	K27KDN					
27	28204929816	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	AUD 351 B	K28KDN					
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 304 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29215044545	Phan Đoàn	Ngọc	AUD 351 B	K29KKT					
2	27212525507	Võ Ngọc Khôi	Nguyên	AUD 351 B	K27KKT					
3	28205033288	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	AUD 351 B	K28KDN					
4	28214900374	Phan Thanh	Nhật	AUD 351 B	K28KDN					
5	28204603963	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	AUD 351 B	K28HP-KQT					
6	28204903184	Lưu Yến	Nhi	AUD 351 B	K28KDN					
7	29204956913	Nguyễn Thị	Nhi	AUD 351 B	K29KDN					
8	28206602822	Phạm Thị Mỹ	Nương	AUD 351 B	K28KDN					
9	28204902443	Lê Thị Thuý	Oanh	AUD 351 B	K28HP-KQT					
10	29204856474	Nguyễn Thu	Phương	AUD 351 B	K29KDN					
11	28214905675	Quách Ngọc Như	Quỳnh	AUD 351 B	K28KDN					
12	28205000030	Trần Anh	Thơ	AUD 351 B	K28KKT					
13	28204900405	Phan Thị Minh	Thư	AUD 351 B	K28KDN					
14	28204953867	Đỗ Vân	Thư	AUD 351 B	K28KDN					
15	28204852910	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	AUD 351 B	K29KDN					
16	28204901199	Nguyễn Thị Huyền	Thương	AUD 351 B	K28KDN					
17	28208127286	Trương Thị Thanh	Thuý	AUD 351 B	K28HP-KQT					
18	29209545516	Hoàng Thủy	Tiên	AUD 351 B	K29KDN					
19	28215044691	Đặng Thị Mỹ	Trân	AUD 351 B	K28KDN					
20	28204802948	Dương Nguyễn Thùy	Trang	AUD 351 B	K28KDN					
21	28205000051	Nguyễn Thị Kiều	Trang	AUD 351 B	K28KDN					
22	28204904538	Phạm Thị	Trinh	AUD 351 B	K28KDN					
23	28204606718	Hứa Viết Thanh	Trúc	AUD 351 B	K28KDN					
24	28214948209	Thái Tuấn	Tú	AUD 351 B	K28HP-KQT					
25	28214928820	Phan Thanh	Tuấn	AUD 351 B	K28HP-KQT					
26	28204803568	Dương Thị Hồng	Uyên	AUD 351 B	K28KDN					
27	28209301244	Huỳnh Nhã	Uyên	AUD 351 B	K28HP-KQT					
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 307 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28214953885	Nguyễn Phan Minh	Vĩ	AUD 351 B	K28KDN					
2	28204905901	Trần Hoàng Phúc	An	AUD 351 D	K28KDN					
3	28214953953	Lê Đức	Anh	AUD 351 D	K28KDN					
4	29204951005	Trần Thị Mỹ	Chiêu	AUD 351 D	K29KDN					
5	29204853965	Nguyễn Thị	Diễm	AUD 351 D	K29KDN					
6	28204604862	Cao Đặng Thùy	Dung	AUD 351 D	K28KDN					
7	29204957103	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	AUD 351 D	K29KDN					
8	27204523062	Võ Thị Tuyết	Giang	AUD 351 D	K28KDN					
9	28205051884	Phan Thị Thúy	Hằng	AUD 351 D	K28KKT					
10	28204905289	Lê Đào Phương	Hậu	AUD 351 D	K28KDN					
11	28204905601	Nguyễn Thị Thu	Hiền	AUD 351 D	K28KDN					
12	28214953737	Hoàng Đình	Hùng	AUD 351 D	K28KDN					
13	28204901994	Phan Phương	Huyền	AUD 351 D	K28KDN					
14	26212129984	Lê Đại	Khánh	AUD 351 D	K28KDN					
15	28204953739	Dương Thị	Kiều	AUD 351 D	K28KKT					
16	28209505252	Nguyễn Thị	Lắm	AUD 351 D	K28KDN					
17	28204953777	Nguyễn Thúy	Liễu	AUD 351 D	K28KDN					
18	28204552405	Võ Thị Diệu	Linh	AUD 351 D	K28KDN					
19	29204955230	Hồ Ngọc	Ly	AUD 351 D	K29KDN					
20	28204953814	Vũ Thị Ngọc	Minh	AUD 351 D	K28KKT					
21	28204803962	Trịnh Thị Ngọc	My	AUD 351 D	K28KDN					
22	28204939470	Dương Hà	My	AUD 351 D	K28KDN					
23	27202642839	Đỗ Thị Mĩ	Ngân	AUD 351 D	K28KDN					
24	28204937090	Nguyễn Thị Ái	Nhi	AUD 351 D	K28KKT					
25	28204948459	Nguyễn Hồ Uyển	Nhi	AUD 351 D	K28KDN					
26	28204953832	Triệu Yến	Nhi	AUD 351 D	K28KDN					
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 307 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28204934447	Đặng Thị Kiều	Oanh	AUD 351 D	K28KDN					
2	29204926859	Trần Phan Kiều	Oanh	AUD 351 D	K29KDN					
3	28204902910	Nguyễn Thị Thu	Phương	AUD 351 D	K28KDN					
4	28206750798	Nguyễn Đình Diễm	Phương	AUD 351 D	K28KDN					
5	29204954167	Nguyễn Thị	Phương	AUD 351 D	K29KDN					
6	28204552464	Cao Ngọc Bảo	Quyên	AUD 351 D	K28KDN					
7	28204602964	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	AUD 351 D	K28KDN					
8	28207130800	Trương Thị	Sáng	AUD 351 D	K28KDN					
9	29204964554	Hoàng Thị Mỹ	Tâm	AUD 351 D	K29KDN					
10	29204921872	Võ Nguyễn Nguyên	Thanh	AUD 351 D	K29KDN					
11	28218105674	Ngô Việt	Thành	AUD 351 D	K28KDN					
12	28204953855	Đoàn Thị Thanh	Thảo	AUD 351 D	K28KDN					
13	28204953863	Trương Thị Kim	Thảo	AUD 351 D	K28KDN					
14	28214901514	Trần Minh	Thiên	AUD 351 D	K28KDN					
15	28204904011	Trần Ngọc Kiều	Thu	AUD 351 D	K28KDN					
16	28204938443	Nguyễn Thị Hoài	Thu	AUD 351 D	K28KDN					
17	28204301809	Lê Thị Thu	Thương	AUD 351 D	K28KDN					
18	28204637420	Hoàng Thị Thủy	Tiên	AUD 351 D	K28KDN					
19	28205204242	Đặng Thị Kim	Tiết	AUD 351 D	K28KDN					
20	29204965812	Nguyễn Thị Thanh	Trà	AUD 351 D	K29KDN					
21	28204749529	Lê Thị Huyền	Trân	AUD 351 D	K28KDN					
22	28204903743	Đặng Trần Bảo	Trân	AUD 351 D	K28KDN					
23	28204900254	Châu Ánh	Trang	AUD 351 D	K28KDN					
24	29204959533	Nguyễn Thùy	Trang	AUD 351 D	K29KDN					
25	29209527237	Ngô Thị	Trinh	AUD 351 D	K29KDN					
26	28204951738	Đỗ Lê Hồng	Vân	AUD 351 D	K28KDN					
27	28204951880	Trương Thị Kiều	Vy	AUD 351 D	K28KDN					
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 310 /1 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28204951114	Trần Diệu	Xoan	AUD 351 D	K28KDN					
2	28204401950	Võ Thị Như	Ý	AUD 351 D	K28KDN					
3	28206203583	Phan Thị Như	Ý	AUD 351 D	K28KDN					
4	29214538163	Trần Văn	An	AUD 351 F	K29KDN					
5	28204940091	Lê Thị Ngọc	Anh	AUD 351 F	K28KDN					
6	28205102174	Trần Hà	Anh	AUD 351 F	K28KDN					
7	28204905356	Nguyễn Thị Kim	Cúc	AUD 351 F	K28KDN					
8	29214954932	Nguyễn Hải	Đăng	AUD 351 F	K29KDN					
9	28204953957	Nguyễn Thị Hoài	Diễm	AUD 351 F	K28KKT					
10	28212248411	Lê Anh	Dũng	AUD 351 F	K28KDN					
11	29204942250	Chế Lữ Thùy	Dương	AUD 351 F	K29KDN					
12	29206558577	Nguyễn Thái Hồng	Duyên	AUD 351 F	K29KDN					
13	28204628008	Nguyễn Tiền	Giang	AUD 351 F	K28KDN					*NỢ HP*
14	28204605629	Nguyễn Thu	Hà	AUD 351 F	K28KDN					
15	28204937331	Phan Thị Thanh	Hà	AUD 351 F	K28KDN					
16	28204654646	Phạm Thị Thanh	Hằng	AUD 351 F	K28KDN					
17	28204950288	Lê Thị Thu	Hạnh	AUD 351 F	K28KDN					
18	28204950053	Nguyễn Thị	Huệ	AUD 351 F	K28KDN					
19	29204956856	Lê Ngọc	Hương	AUD 351 F	K29KDN					
20	28209529096	Vũ Thu	Hường	AUD 351 F	K29KDN					
21	29205026843	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	AUD 351 F	K29KKT					
22	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	AUD 351 F	K29KDN					
23	28206206533	Trần Thị Thùy	Linh	AUD 351 F	K28KDN					
24	29204459551	Võ Thị Thùy	Linh	AUD 351 F	K29KDN					
25	29204954623	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	AUD 351 F	K29KDN					
26	28204803475	Ksor	Loan	AUD 351 F	K28KDN					
27	28204740559	Lê Thị Ngọc	Mai	AUD 351 F	K28KDN					
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 310 /2 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28205040037	Lâm Thị Tuyết	Mai	AUD 351 F	K28KDN					
2	28212680311	Tống Trần	Mạnh	AUD 351 F	K28KDN					
3	28204955032	Võ Lê Trà	My	AUD 351 F	K28KDN					
4	28204903131	Nguyễn Thị	Na	AUD 351 F	K28KDN					
5	27202602529	Nguyễn Thị Kim	Ngân	AUD 351 F	K28KDN					
6	28204902074	Huỳnh Thu	Ngân	AUD 351 F	K28KDN					
7	28204934334	Trần Hiếu	Ngân	AUD 351 F	K28KDN					
8	29204955744	Lê Thị Phương	Ngọc	AUD 351 F	K29KDN					
9	28204901598	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	AUD 351 F	K28KDN					
10	29215058156	Cao Tất	Nguyên	AUD 351 F	K29KDN					
11	29206645247	Nguyễn Thị	Nguyệt	AUD 351 F	K29KDN					
12	28204853942	Nguyễn Thị Yến	Nhi	AUD 351 F	K28KDN					
13	28204903831	Lê Phương	Nhi	AUD 351 F	K28KDN					
14	29204965626	Phạm Thị Phương	Như	AUD 351 F	K29KDN					
15	28204954887	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	AUD 351 F	K28KDN					
16	28204949551	Nguyễn Thị Thúy	Ny	AUD 351 F	K28KDN					
17	28204951562	Trần Thị Kim	Oanh	AUD 351 F	K28KDN					
18	28208002647	Nguyễn Thanh Hồng	Phúc	AUD 351 F	K28KDN					
19	27202653332	Võ Thị Hậu	Phước	AUD 351 F	K27KDN					
20	28208049478	Nguyễn Trần Diệu	Phương	AUD 351 F	K28KDN					
21	29204953428	Lê Thị Thúy	Phượng	AUD 351 F	K29KDN					
22	28204901822	Võ Phương	Thảo	AUD 351 F	K28KDN					
23	28204903750	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	AUD 351 F	K28KDN					
24	28204904409	Nguyễn Thị Anh	Thư	AUD 351 F	K28KDN					
25	28204946001	Nguyễn Thị Minh	Thư	AUD 351 F	K28KDN					
26	28204953866	Phạm Thị Thanh	Thúy	AUD 351 F	K28KDN					
27	28209400891	Lê Thu	Thúy	AUD 351 F	K28KDN					
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (B-D-F)

Học kỳ : 2

Thời gian : 13h30 - 07/06/2025 - Phòng thi 403 - K7/25 Quang Trung

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28204653042	Nguyễn Thị Kim	Tiền	AUD 351 F	K28KDN					
2	28204904540	Tôn Nữ Thị Thuỳ	Trâm	AUD 351 F	K28KDN					
3	28205051495	Võ Nguyễn Bảo	Trâm	AUD 351 F	K28KDN					
4	28204904979	Võ Thị Thùy	Trang	AUD 351 F	K28KDN					
5	28204954207	Đặng Thị Thùy	Trang	AUD 351 F	K28KDN					
6	28204953876	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	AUD 351 F	K28KDN					
7	28206251504	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	AUD 351 F	K28KDN					
8	28204954711	Lê Thị Ngọc	Tú	AUD 351 F	K28KDN					
9	28204103369	Vương Thị Kim	Tuyến	AUD 351 F	K28KDN					
10	28209403965	Trần Thị Thanh	Tuyền	AUD 351 F	K28KDN					
11	28204326804	Lê Anh	Tuyết	AUD 351 F	K28KDN					
12	28205039935	Nguyễn Thị Thảo	Vân	AUD 351 F	K28KDN					
13	25212502053	Bạch Hoàng	Vũ	AUD 351 F	K28KKT					
14	28204828768	Đỗ Nguyễn Thảo	Vy	AUD 351 F	K28KDN					
15	28204904900	Hồng	Vy	AUD 351 F	K28KDN					
16	28204902639	Hồ Nguyễn Thị Mỹ	Yên	AUD 351 F	K28KDN					
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										